

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/HS-ST

Ngày : 26/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Trung Kiên
2. Ông Trần Minh Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương – Thư ký tòa án nhân dân quận Tân Bình - Tp. Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Tổ Trinh - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

LƯƠNG TRỌNG Đ; sinh năm 1987 tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: đường Q, phường S, quận M, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn T và bà: Nguyễn Thị M; vợ con: không; tiền án: Ngày 29/3/2007, Tòa án nhân dân Quận 11 xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 54/2007/HSST; Ngày 06/3/2009 Tòa án nhân dân Quận 11 xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 35/2009/HSST; Ngày 27/01/2015, Tòa án nhân dân Quận 11 xử phạt 04 năm tù giam về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 11/2015/HSST; tiền sự : không; tạm giữ, tạm giam: 24/11/2018. (Có mặt)

- Bị hại: Chị Trần Thị U – sinh năm 1981, nơi cư trú: khu phố 1, Phường C, quận Đ, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 24/11/2018, tại quán nhậu vỉa hè trên đường Nguyễn Văn Cua, Quận 8, Lương Trọng Đ cùng đối tượng tên D và B (không xác định lai lịch)

gặp nhau, D rủ Đ và B tìm người có tài sản sơ hở tài sản để trộm cắp, nếu phát hiện người đi đường có chở hàng hóa phía sau xe, D có nhiệm vụ điều khiển xe áp sát, dùng dao lam cắt đứt sợi dây cột hàng để hàng hóa rơi xuống đường, Đ chở B ngồi sau, B sẽ xuống xe quay người che chắn tầm nhìn của người bị hại đồng thời lấy hàng hóa để lên yên sau xe sát vào lưng của Đ để chờ tẩu thoát, B lên xe D che tầm nhìn của bị hại và cản địa nếu có người truy đuổi.

Đến khoảng 11 giờ 15 phút cùng ngày, Đ điều khiển xe gắn máy biển số 51X5-5602 chở B, D điều khiển xe gắn máy biển số 51R2-2318. Khi đến ngã tư Bảy Hiền, quận Tân Bình, Đ nhìn thấy D đang chạy theo sau xe gắn máy hiệu Honda SH Mode biển số 59X3-169.64 do chị Nguyễn Thị U điều khiển, phía sau xe có một bao hàng màu đen được cột bằng 01 sợi dây cao su màu xanh lá cây, Đ chở B chạy sau D. Khi đến trước số 380 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, D áp sát phía bên phải xe của chị U, tay trái cầm dao lam cắt đứt sợi dây cột làm bao hàng rơi xuống đường cách bị hại khoảng 10 mét, Đ dừng xe phía trước cạnh bao hàng để B xuống xe đứng phía trước quay lưng vào bao hàng để che chắn tầm nhìn của bị hại đồng thời ôm bao hàng đặt phía sau xe sát vào lưng của Đ rồi lên xe của D tẩu thoát; Đ quay đầu xe chở bao hàng chạy về hướng ngã ba đường Trường Chinh – Trương Công Định, khi đến trước số 66 Trương Công Định, phường 14, quận Tân Bình, Đ bị Lực lượng trinh sát Đội 3 Phòng PC02- Công an thành phố Hồ Chí Minh và người dân bắt giữ cùng tang vật, phương tiện giao cho Công an phường 13, quận Tân Bình xử lý.

Khi bao hàng bị rơi xuống đường, chị U cảm giác phía sau xe nhẹ, do vào giờ cao điểm, người tham gia giao thông đông, chị U điều khiển cho xe dừng vào lề đường, phát hiện không thấy bao hàng trên xe, cùng lúc người đi đường thông báo có đối tượng đã cắt dây lấy trộm bao hàng của chị U và người dân đang truy đuổi đối tượng. Chị U đến Cơ quan công an trình báo sự việc.

Quá trình điều tra, Lương Trọng Đ thừa nhận toàn bộ hành vi cùng đồng bọn thực hiện hành vi trộm tài sản của chị Nguyễn Thị U như nêu trên.

Tiến hành cho Đ xác định địa điểm phát hiện bị hại, địa điểm trộm cắp tài sản và địa điểm bị bắt giữ phù hợp với lời khai bị hại, lời khai nhân chứng và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Xác minh biển số 51R2-2318 gắn trên xe máy do đối tượng D điều khiển, đứng tên đăng ký chủ sở hữu là anh Lê Công H, anh H mua chiếc xe trên vào năm 2006, đến năm 2010 bán xe nhưng không làm thủ tục sang tên, không nhớ người mua xe. Cơ quan điều tra có Công văn số 232/Cv ngày 03/4/2019 về việc thông báo truy tìm chủ sở hữu chiếc xe trên nhưng đến nay chưa có kết quả.

Vật chứng thu giữ:

- 01 đoạn dây cao su màu xanh lá cây đã bị cắt đứt, kích thước 5x26cm, là tài sản của bị hại, đã giao trả cho bị hại, do không có giá trị nên bị hại không yêu cầu bồi thường;

- 01 điện thoại di động màu đen hiệu Masstel thu giữ của Đ.

- 01 chiếc xe gắn máy biển số 51X5-5602, là phương tiện Đ điều khiển khi thực hiện hành vi phạm tội, đứng tên chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn H mua năm 2003 đến năm 2015, bán xe cho 01 người không xác định lai lịch, không làm thủ tục sang tên. Đ khai nhận chiếc xe trên là của mẹ vợ (chung số không đăng kí kết hôn) cho mượn để sử dụng vào thời gian trước khi bị bắt về hành vi cướp giật tài sản vào năm 2014. Ngày 13/3/2018, chấp hành xong hình phạt tù, vợ và mẹ vợ Đ bỏ đi (không xác định lai lịch, nơi ở), Đ sử dụng chiếc xe đến nay. Cơ quan điều tra đã đăng báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh tìm chủ sở hữu xe nhưng đến nay chưa có kết quả.

- 01 bao hàng (bên trong gồm 43 cái váy, đầm phụ nữ các loại, không rõ nhãn hiệu). Theo Kết luận định giá số 78/HĐĐGTS-TTHS của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình vào ngày 25/4/2019 tài sản có giá trị là 10.470.000 đồng (Mười triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) đã được giao trả cho bị hại là chị Nguyễn Thị U, chị U nhận lại và không có ý kiến, không yêu cầu bồi thường.

Đối tượng tên D và B do không xác định được lai lịch nên không có cơ sở điều tra, xử lý.

Tại bản cáo trạng số 69/CT-VKS ngày 21 tháng 5 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố bị cáo Lương Trọng Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm d, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình nêu tóm tắt nội dung vụ án, các nguyên nhân điều kiện phát sinh tội phạm, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nêu các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 5 đến 6 năm tù.

Về vật chứng thì đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị U đã nhận lại tài sản không có ý kiến yêu cầu gì đối với bị cáo.

- Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời bị cáo khai nhận, do muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng đã nêu.

Sau phần luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận, bào chữa mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Lương Trọng Đ, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, bị hại không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với bản kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người làm chứng cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận bị cáo Lương Trọng Đ cùng đồng bọn đã có hành vi lén lút cắt dây để chiếm đoạt bao hàng (43 váy, đầm phụ nữ) trị giá 10.470.000 đồng của chị Nguyễn Thị U đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm”; bị cáo Lương Trọng Đ đã bị kết án về tình tiết tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, lần phạm tội này của bị cáo Đ được xác định là “Tái phạm nguy hiểm”, là những tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, vừa trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản hợp pháp của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo hộ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác bị pháp luật ngăn cấm và bị trừng trị nhưng do động cơ tham lam nên bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm một cách liều lĩnh, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Nhân thân bị cáo xấu đã nhiều lần bị xét xử chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm mục đích giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử xem xét tình tiết: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản thu hồi trả cho người bị hại để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Việc đại diện Viện kiểm sát căn cứ tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân bị cáo đề nghị áp dụng điểm h, s

khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự khi xét xử bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị U đã nhận lại tài sản không có ý kiến yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tang vật vụ án:

- 01 điện thoại di động màu đen hiệu Masstel, là tài sản cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 chiếc xe gắn máy biển số 51X5-5602 bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. Quá trình điều tra chưa xác định được chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cho Công an quận Tân Bình thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng một thời gian nếu không xác định được chủ sở hữu thì tịch thu sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Dân sự.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d, g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 106, Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[1] Tuyên bố bị cáo Lương Trọng Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo: Lương Trọng Đ 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam : 24/11/2018.

[2]- Giao chiếc xe máy biển số 51X5-5602, số khung Y-110274, số máy HC09E-0110386 cho Công an quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng. Sau 01 năm nếu không xác định được chủ sở hữu thì tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Matel.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 105/PNK ngày 20/5/2019 của Công an quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh).

[3] Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án cho đương sự theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

[4] Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Ngọc Tâm